

V/v công bố Kế hoạch SXKD
và ĐTPT năm 2019 của EVN.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ quy định tại Điều 13 Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-UBQLV ngày 19/7/2019 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2019 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thông tin về Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2019 của EVN theo quy định.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBQLVNN tại DN;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công Thương;
- HĐTV (để b/c);
- Các PTGD;
- Ban TT;
- Lưu: KH, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đình Nhân

BÁO CÁO KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019 CỦA TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

1. Về sản xuất kinh doanh, cung ứng điện và kinh doanh điện

- *Về sản xuất, cung ứng điện*

- Sản lượng điện sản xuất và mua năm 2018 đạt 212,9 tỷ kWh vượt kế hoạch 2,4 tỷ kWh và tăng 10,36% so với năm 2017, trong đó điện sản xuất các nhà máy điện của Công ty mẹ EVN là 49,35 tỷ kWh vượt 6,55 tỷ kWh (~15,3%) so với KH.

- Điện thương phẩm đạt 192,36 tỷ kWh vượt 1,8 tỷ kWh so với kế hoạch và tăng 10,14% so với năm 2017 (cao hơn 1% so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao), trong đó điện thương phẩm nội địa đạt 191,2 tỷ kWh, tăng trưởng 10,2% (miền Bắc tăng 11,52%, miền Trung tăng 9,27%, miền Nam tăng 9,50%).

- Sản lượng điện truyền tải đạt 184,2 tỷ kWh vượt 1,6% KH và tăng 10,88% so với năm 2017, trong đó đã đảm bảo truyền tải điện từ miền Bắc, miền Trung cấp cho miền Nam 20,8 tỷ kWh (tương đương 20% nhu cầu điện miền Nam).

- *Về kinh doanh và dịch vụ khách hàng*

- Độ tin cậy cung cấp điện năm 2018 tăng đáng kể so với năm 2017. Tính chung toàn EVN tổng thời gian mất điện của khách hàng bình quân (SAIDI) là 724 phút, giảm 30% so với năm 2017 (1.028,8 phút); Tần suất mất điện kéo dài bình quân (SAIFI) là 5,04 lần/khách hàng, giảm 28,5%; Tần suất mất điện thoáng qua bình quân (MAIFI) là 0,81 lần/khách hàng, giảm 14,1%.

- Công tác kinh doanh và dịch vụ khách hàng tiếp tục có chuyển biến tốt, đa dạng các kênh cung cấp dịch vụ theo hướng áp dụng công nghệ thông tin và cung cấp các dịch vụ điện trực tuyến:

- + Các chỉ tiêu về dịch vụ khách hàng đều đạt và vượt so với mục tiêu kế hoạch, trong đó: tỷ lệ khách hàng thu tiền qua ngân hàng và các tổ chức trung gian chiếm 49%, các hình thức thu tiền không sử dụng tiền mặt như trích nợ tự động, ngân hàng trực tuyến... chiếm 21,7%.

- + Các TCTĐL đã triển khai hệ thống CMIS 3.0 đến 107/107 CTĐL, thực hiện kết nối cung cấp dịch vụ điện tại Trung tâm hành chính công hoặc Cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến tại 63/63 tỉnh/thành phố đã tạo sự thuận lợi cho khách hàng và minh bạch trong các giao dịch, đồng thời rút ngắn thời gian cấp điện mới cho khách hàng sinh hoạt khu vực thành phố/thị xã/thị trấn là 2,15 ngày, khu vực nông thôn là 2,79 ngày và khách hàng ngoài sinh hoạt là 2,43 ngày.

- + Công tác dịch vụ khách hàng và hoạt động của các Trung tâm Chăm sóc khách hàng tiếp tục tăng cường. Theo khảo sát đánh giá của Phòng Thương mại và

Công nghiệp Việt Nam công bố tháng 3/2018, tỷ lệ các doanh nghiệp hài lòng về chất lượng dịch vụ cung cấp điện là 74% tăng 5% so cùng kỳ năm trước và duy trì vị trí thứ 2 về chất lượng các dịch vụ tiện ích gia tăng trong bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

- Mức độ hài lòng khách hàng sử dụng điện bình quân toàn EVN năm 2018 đạt 8,11 điểm, tăng 0,14 điểm so với 2017, trong đó cao nhất là EVNHCMC đạt 8,33 điểm (tăng 0,07 điểm).

- Báo cáo DB2019 đánh giá độ tin cậy cung cấp điện và minh bạch giá điện Việt Nam tiếp tục được cải thiện so với DB2018, kết quả này là sự ghi nhận các cải cách của EVN trong việc áp dụng công nghệ vào để nâng cao chất lượng cung cấp điện và cung cấp các dịch vụ về điện cho khách hàng. Từ tháng 12/2018, EVN cung cấp dịch vụ điện cấp độ 4 đáp ứng mọi dịch vụ khách hàng từ khâu đăng ký, nhận kết quả đến thanh toán 100% thông qua trực tuyến.

- *Kết quả sản xuất kinh doanh*

Tổng doanh thu toàn Tập đoàn năm 2018 đạt 343.346 tỷ đồng, tăng hơn 14,7% so với năm 2017. Doanh thu của Công ty mẹ EVN đạt 285.520 tỷ đồng.

EVN bảo toàn và phát triển được vốn nhà nước, tổng giá trị tài sản hợp nhất toàn EVN đến cuối năm 2018 là 706.504 tỷ đồng (tăng 0,7% so với năm 2017), trong đó vốn chủ sở hữu là 217.477 tỷ đồng (tăng 2,36% so với năm 2017).

Lợi nhuận trước thuế toàn Tập đoàn đạt 9.076 tỷ đồng; Giá trị nộp ngân sách năm 2018 của toàn Tập đoàn là 25.110 tỷ đồng, tăng hơn 25% so với năm 2017.

- *Năng suất lao động SXKD điện*

Các đơn vị đã tích cực ứng dụng khoa học công nghệ trong SXKD, sắp xếp lao động hợp lý, năng suất lao động SXKD điện toàn Tập đoàn năm 2018 đạt 2,21 triệu kWh/người, tăng 12,5% so với năm 2017.

2. Về đầu tư xây dựng

Giá trị khối lượng đầu tư toàn Tập đoàn năm 2018 đạt 104.548 tỷ đồng, bằng 88,7% KH, trong đó: đầu tư nguồn điện đạt 83,9% KH, đầu tư lưới điện đạt 89,7% KH; Giá trị giải ngân đạt 97.288 tỷ đồng, bằng 82,56% KH.

- *Về đầu tư nguồn điện*

- Hoàn thành phát điện dự án TĐ Sông Bung 2 (2x50MW).
- Đưa vào vận hành thương mại các tổ máy NMNĐ Thái Bình, Vĩnh Tân 4.
- Các dự án nguồn điện cấp bách cấp điện miền Nam như NĐ Vĩnh Tân 4 MR, NĐ Duyên Hải 3 MR đang khẩn trương thực hiện với mục tiêu phát điện năm 2019.

- Đã trình cấp thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (PreFS) các dự án NĐ Ô Môn III&IV, NĐ Dung Quất I&III, TĐ Trị An mở rộng và phê duyệt FS các dự án TĐ Hòa Bình MR, TĐ Ialy MR; Hoàn thiện các thủ tục liên

quan và phối hợp địa phương giải quyết các vướng mắc về GPMB của dự án NĐ Quảng Trạch I.

- Đối với các dự án Điện mặt trời: triển khai lựa chọn nhà thầu EPC cho các dự án ĐMT Phước Thái 1, Sê San 4 (dự kiến khởi công năm 2019).

- Năm 2018 đã hoàn thành quyết toán toàn bộ 3 công trình nguồn điện, gồm: NĐ Ô Môn 1, NĐ Uông Bí MR và TĐ Thác Mơ MR; Phê duyệt quyết toán theo giai đoạn 6 công trình gồm: Cảng than Vĩnh Tân -GD2, NĐ Vĩnh Tân 2 - GD 2+3, Cơ sở hạ tầng TTĐL Vĩnh Tân, TĐ Bản Vẽ -GD5, NĐ Duyên Hải 1 - GD2 và NĐ Duyên Hải 3 - GD1.

- *Về đầu tư lưới điện*

- Toàn Tập đoàn đã hoàn thành 253 công trình lưới điện (9 công trình 500kV, 43 công trình 220kV, 201 công trình 110kV) với tổng khối lượng các công trình hoàn thành đạt gần 4.000km đường dây và công suất TBA là 20.150 MVA. Trong đó:

+ Các dự án đảm bảo cấp điện miền Nam như: Nâng CS trạm 500kV Tân Định, các ĐD 220kV Long Phú-Sóc Trăng, Long Phú-Cần Thơ-Trà Nóc, Cải tạo ĐD 220kV Long An-Cai Lậy...; Các TBA 220kV Cần Thơ, Bến Cát, Sa Đéc, Cần Đức... Nâng công suất các TBA 220kV Vũng Tàu, Uyên Hưng, Đức Hòa, TP Nhơn Trạch...

+ Các công trình lưới điện quan trọng cấp điện cho TP Hà Nội và các khu kinh tế trọng điểm miền Bắc như: Lắp máy 2 các TBA 500kV Đông Anh, Phố Nối; Các TBA 220kV Phú Thọ, Nông Cống, Quỳnh Lưu,...; Nâng công suất các TBA 220kV Tây Hà Nội, Tây Hồ, Hiệp Hòa, Đông Anh, Bắc Ninh 3, Đồng Hòa, Nghi Sơn; Cải tạo các ĐD 220kV Hà Đông - Phú Lý, Nho Quan - Thanh Hóa,...

+ Các dự án đầu nối, thu gom giải toả công suất các thủy điện tại khu vực miền núi phía Bắc như: TBA 500kV Lai Châu, Nâng công suất TBA 500kV Sơn La...; Lắp máy 2 các TBA 220kV Hà Giang, Bảo Thắng, Tuyên Quang, Bảo Lâm...

- Khởi công 223 công trình lưới điện (gồm: 15 công trình 500kV, 26 công trình 220kV và 182 công trình 110kV). Trong đó có các công trình quan trọng như: ĐD 500kV Vũng Áng-Dốc Sỏi-Pleiku 2, Tây Hà Nội-Thường Tín, Nho Quan-Phủ Lý-Thường Tín, ĐD 220kV Kiên Bình - Phú Quốc...

- Hoàn thành quyết toán 313 công trình lưới điện (gồm: 75 công trình 500-220kV và 238 công trình 110kV).

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

1. Mục tiêu

Tập trung mọi nỗ lực đảm bảo cung ứng điện cho phát triển kinh tế xã hội của đất nước và đời sống nhân dân; Đầu tư các dự án nguồn điện và các dự án lưới điện theo đúng tiến độ được duyệt; Thực hiện các nhiệm vụ được giao để xây dựng thị trường điện theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động; Đảm bảo kinh doanh có lợi nhuận, bảo toàn, phát triển vốn; Tiếp tục quá trình tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, hoàn thiện bộ máy tổ chức để phát triển bền vững; Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và tận dụng có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu

- i) Điện sản xuất và mua: 232,5 tỷ kWh tăng 9,2% so với năm 2018 (gồm: điện sản xuất của Công ty mẹ EVN là 46,5 tỷ kWh, điện sản xuất của các GENCO là 90,6 tỷ kWh, điện mua các nguồn ngoài là 95,4 tỷ kWh). Sẵn sàng chuẩn bị đáp ứng cho khả năng nhu cầu điện tăng cao hơn.
- ii) Điện thương phẩm: 211,95 tỷ kWh tăng 9,9% so với năm 2018.
- iii) Chỉ tiêu độ tin cậy cung cấp điện: phấn đấu giảm SAIDI xuống 400 phút về đích trước 1 năm so với lộ trình kế hoạch 5 năm, SAIFI: 8,97 lần, MAIFI: 2,0 lần.
- iv) Tỷ lệ tổn thất điện năng toàn Tập đoàn: phấn đấu giảm tổn thất xuống thấp hơn 6,7% .
- v) Chỉ số tiếp cận điện năng: phấn đấu xếp hạng ít nhất từ 24/190 quốc gia, nền kinh tế trên thế giới và duy trì vị trí trong ASEAN 4.
- vi) Mức độ hài lòng khách hàng sử dụng điện đạt trên 8,0 điểm.
- vii) Năng suất lao động tăng trên 10%.
- viii) Bảo toàn và phát triển vốn; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh phấn đấu kinh doanh có lợi nhuận.

3. Kế hoạch đầu tư xây dựng

Tổng giá trị đầu tư xây dựng toàn Tập đoàn năm 2019 dự kiến là 104.936 tỷ đồng, cụ thể:

a. Các dự án nguồn điện

- Hoàn thành đưa vào vận hành 5 tổ máy/1.560 MW, gồm: NĐ Duyên Hải III MR (660 MW), NĐ Vĩnh Tân IV MR (600 MW); TĐ Đa Nhim MR (giai đoạn 2 - 80 MW), TĐ Thượng Kon Tum (2x110 MW);
- Khởi công các dự án ĐMT Phước Thái 1 (50MW), ĐMT Sê San 4 (49 MW).

- Đẩy nhanh thực hiện các thủ tục ĐTXD các dự án, phần đầu năm 2020 khởi công 4 dự án, gồm: TĐ Ialy MR, Hòa Bình MR, NĐ Ô Môn IV.

- Tiếp tục triển khai thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án NĐ Ô Môn III, các dự án NĐ Dung Quất I&III, TĐ Trị An MR, NĐ Quảng Trạch II.

- Công tác nghiệm thu - quyết toán công trình:

+ Hoàn thành cấp PAC trong Quý I/2019 các dự án: NĐ Thái Bình (2x300MW), TM1 - NĐ Vĩnh Tân 4 (600MW), NĐ Nghi Sơn 1 (2x300MW).

+ Hoàn thành quyết toán giai đoạn kết thúc 20 công trình gồm: TĐ Lai Châu, NĐ Nghi Sơn 1, NĐ Ung Bí MR2, TĐ Bản Vẽ, TĐ Sông Tranh 2, TĐ Đồng Nai 3&4, CSHT TTĐL Duyên Hải, Cảng Duyên Hải, NĐ Duyên Hải 1, NĐ Duyên Hải 3, NĐ Mông Dương 1, NĐ Vĩnh Tân 2, CSHT TTĐL Vĩnh Tân, cảng Vĩnh Tân, TĐ Trung Sơn, NĐ Thái Bình, TĐ Sông Bung 2, NĐ Vĩnh Tân IV và tòa nhà EVN.

b. Các dự án lưới điện

- Hoàn thành và đưa vào vận hành 217 công trình lưới điện từ 110-500kV (gồm 13 công trình 500kV, 31 công trình 220kV và 173 công trình 110kV).

- Khởi công 230 công trình lưới điện 110-500kV (gồm 3 công trình 500kV, 33 công trình 220kV và 194 công trình 110kV).

- Đối với các công trình lưới điện cấp bách cấp điện cho miền Nam: Tập trung thi công các công trình thuộc ĐD 500kV Vũng Áng - Dốc Sỏi - Pleiku 2, đảm bảo mục tiêu hoàn thành Quý II/2020; Đảm bảo tiến độ hoàn thành các công trình lưới điện 500-220kV quan trọng gồm: các ĐD 500kV Sông Mây - Tân Uyên, Sông Hậu - Đức Hòa (giai đoạn 1), Long Phú - Ô Môn...; các TBA 500kV Tân Uyên, Đức Hòa; nâng CS / lắp máy 2 các TBA 500kV Tân Định, Mỹ Tho, Tân Uyên...; các ĐD 220kV mạch 2 Đồng Hới - Đông Hà - Huế, Pleiku 2 - An Khê, Bình Long - Tây Ninh, Kiên Bình - Phú Quốc...

- Đối với các công trình phục vụ giải tỏa công suất các nguồn NLTT: đẩy nhanh công tác CBĐT dự án để khởi công trong năm 2019 các TBA 220kV và đường dây đầu nối Phan Rí, Giá Rai, Cam Ranh, Lao Bảo... Tập trung thi công các công trình: ĐD 220kV Nha Trang - Tháp Chàm, TBA 220kV Vân Phong và các công trình 110kV trên địa bàn các tỉnh khu vực miền Nam (như Bình Thuận, Ninh Thuận).

4. Kế hoạch tài chính Công ty mẹ EVN:

Tập đoàn tính toán xây dựng kế hoạch tài chính của Công ty mẹ EVN năm 2019 trên cơ sở sản lượng điện sản xuất và mua, sản lượng điện thương phẩm theo kế hoạch 2019, giá bán lẻ điện bình quân cập nhật theo Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công Thương (tăng 8,36% từ 20/3/2019), cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu: 330.195 tỷ đồng.

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 950 tỷ đồng.

III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. Giải pháp vận hành an toàn, ổn định hệ thống điện quốc gia, đảm bảo cung cấp đủ điện cho phát triển KT-XH và sinh hoạt của nhân dân

- Xây dựng kế hoạch cung cấp điện hàng tháng trên cơ sở bám sát tình hình thời tiết, thủy văn, tình hình cấp khí, tình hình vận hành thị trường điện để điều hành hệ thống điện an toàn và tin cậy, khai thác hiệu quả các nguồn điện. Chuẩn bị các phương án sẵn sàng ứng phó với các tình huống bất lợi.

- Chủ động trong việc cung cấp, nhập khẩu than cho phát điện đáp ứng sản lượng điện sản xuất mùa khô và cả năm theo kế hoạch tập đoàn giao.

- Phối hợp với PVN/PVGas trong việc đảm bảo cung cấp khí và tìm kiếm các nguồn khí mới, bổ sung cho các nguồn khí trong nước đang bị suy giảm như mỏ Phong Lan Đại, Sao Vàng - Đại Nguyệt, Cá Rồng Đỏ, nhập khẩu LNG.

- Phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Thủy lợi, các địa phương để lập kế hoạch chi tiết về vận hành các hồ thủy điện để cấp nước phục vụ gieo cấy vụ Xuân 2018-2019 khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ đảm bảo hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Cơ quan khí tượng thủy văn quốc gia, UBND các tỉnh có hồ thủy điện để xây dựng kế hoạch phối hợp chi tiết, cụ thể về vận hành, điều tiết nước các hồ thủy điện, đảm bảo an toàn các hồ đập trong mùa mưa lũ năm 2019.

- Hoàn thiện, củng cố hệ thống viễn thông dùng riêng, hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành sản xuất kinh doanh và phục vụ tốt vận hành thị trường điện.

- Chủ động phòng, chống, ứng phó giảm thiểu thiệt hại, khắc phục nhanh hậu quả thiên tai, đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão.

- Siết chặt kỷ luật vận hành không để xảy ra sự cố chủ quan. Các nhân viên vận hành phải được đào tạo đầy đủ các yêu cầu về chuyên môn, chức danh cho từng vị trí công việc, luôn tuân thủ các quy trình, quy phạm, quy định về vận hành.

2. Tiếp tục tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, hoàn thiện bộ máy tổ chức sản xuất phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành Điện của Chính phủ

Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Đề án tổng thể sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp thuộc EVN giai đoạn 2017-2020, trong đó:

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức quản lý, bộ máy điều hành theo hướng thống nhất trong các Tổng công ty thuộc EVN với yêu cầu xóa bỏ sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ trong công tác quản lý và kiểm soát.

- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của Công ty mẹ để phù hợp yêu cầu hoạt động SXKD trong giai đoạn thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

- Chỉ đạo triển khai các Đề án tách khâu phân phối và khâu kinh doanh bán lẻ điện tại các TCTĐL, tách khâu dịch vụ sửa chữa và khâu quản lý vận hành lưới điện phân phối của các TCTĐL miền.

- Phê duyệt mô hình tổ chức các Công ty thủy điện trực thuộc EVN sau khi tách bộ phận dịch vụ sửa chữa.
- củng cố, hoàn thiện tổ chức, bộ máy và kiện toàn nhân sự đối với các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn mới được thành lập.
- Thực hiện công tác cổ phần hóa các TCT phát điện theo kế hoạch.
- Tiếp tục thoái vốn của EVN và của các TCT tại các CTCP, trong đó Tập đoàn hoàn thành thoái vốn còn lại tại EVNFinance (7,5% VDL), TCT Thiết bị điện Đông Anh, CTCP Phong điện Thuận Bình, CTCP Tư vấn xây dựng điện 3 và 4.
- Hoàn thành toàn bộ công tác sửa đổi, xây dựng mới các quy chế, quy định quản lý nội bộ của EVN.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

- Chỉ số tiếp cận điện năng cải thiện từ 3-5 bậc so với năm 2018, xếp hạng $\leq 24/190$ quốc gia, nền kinh tế. Thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số tiếp cận điện năng, trong đó tập trung vào thực hiện “01 cửa liên thông” giữa đơn vị Điện lực và các cơ quan quản lý Nhà nước.
- Mức độ hài lòng khách hàng sử dụng điện toàn EVN duy trì ở mức $\geq 8,0$ điểm và phần đầu đạt $\geq 8,05$ điểm. Năm 2019, 100% các TCTĐL đạt mức yêu cầu đề ra năm 2020 trong Đề án Nâng cao hiệu quả SXKD và NSLĐ, cụ thể: EVNHCMC $\geq 8,5$ điểm, 04 TCTĐL còn lại (đã đạt mức điểm yêu cầu năm 2020) tiếp tục phấn đấu tăng thêm 0,05-0,1 điểm. Tất cả các CTĐL có mức độ hài lòng $\geq 7,7$ điểm.
- Tỷ lệ cung cấp giao dịch qua các kênh của Trung tâm CSKH (Tổng đài, Website, Email, Ứng dụng CSKH, Chatbot...) và qua các Trung tâm hành chính công/Cổng dịch vụ công trực tuyến: NPC, CPC, SPC $\geq 50\%$, EVNHANOI $\geq 85\%$, EVNHCMC $\geq 98\%$.
- Nâng cao chất lượng thu tiền điện: (i) Tỷ lệ thu tiền điện $\geq 99,7\%$; (ii) Tiền nợ khó đòi thấp hơn năm 2018; (iii) Tỷ lệ thanh toán tiền điện bằng phương thức thanh toán điện tử (không dùng tiền mặt) cao hơn năm 2018.
- Thanh toán điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4: thực hiện cung cấp 100% các dịch vụ có thu phí của các TCTĐL giải quyết ở cấp độ 4; cho phép khách hàng thanh toán bằng nhiều phương tiện khác nhau (chuyển khoản online, thẻ ngân hàng, ví điện tử kết hợp với mã QR,...).
- Đảm bảo cung cấp điện liên tục ổn định, đặc biệt đối với các khách hàng quan trọng, khách hàng có sản lượng tiêu thụ điện lớn, khách hàng yêu cầu chất lượng điện cao đã được cam kết trong HĐMBĐ.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện cơ sở dữ liệu khách hàng, chuẩn xác thông tin, sử dụng các phần mềm ứng dụng hiện trường để hỗ trợ dễ dàng tích hợp, kết nối khai thác phục vụ tốt công tác dịch vụ khách hàng đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ điện cấp độ 4.

4. Tổ chức thực hiện Chủ đề năm 2019 ”Nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống điện và thị trường điện”

- Vận hành an toàn, ổn định hệ thống điện và thị trường điện, đảm bảo an ninh cung cấp điện, huy động tối ưu các NMD trong hệ thống đáp ứng các chỉ tiêu về độ lệch tần số (FDI), độ lệch điện áp (VDI).
- Lập kế hoạch vận hành hệ thống điện và thị trường điện cân gắn với cân đối tài chính của Tập đoàn.
- Xây dựng đề án đưa các NMD đa mục tiêu của Tập đoàn tham gia thị trường bán buôn.
- Đề xuất sửa đổi các quy định thị trường điện để đảm bảo chi phí thanh toán thực hợp lý cho các nhà máy tham gia thị trường điện.
- Nghiên cứu, lắp đặt các thiết bị tích trữ năng lượng phù hợp với mức độ gia tăng nguồn điện NLTT trong HTĐ để bảo các yêu cầu, tiêu chuẩn vận hành.
- Các chỉ tiêu suất hao nhiệt, tỉ lệ điện tự dùng, hệ số khả dụng, tỉ lệ dừng máy sự cố, tỉ lệ dừng máy bảo dưỡng, chất lượng điện phát lên lưới của từng nhà máy (dao động tần số, dao động điện áp); Các chỉ tiêu độ tin cậy cấp điện, tổn thất điện năng; Năng suất lao động,... đạt ngang bằng các nước ASEAN 4 theo từng giai đoạn.

5. Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh

- Hoàn thành các đề án, dự án thành phần của Đề án “Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ của cuộc CMCN 4.0 vào hoạt động sản xuất kinh doanh của EVN” đã được giao.
- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp các hệ thống phần mềm dùng chung trong quản lý điều hành và tích hợp thành hệ thống Quản lý thông tin (MIS - Management Information System).
- Triển khai chương trình chuyển đổi số (Digital Transformation) để cấu trúc lại dữ liệu, hạ tầng CNTT và quản lý hiệu quả tài sản.
- Hoàn thành xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin trọng yếu.
- Triển khai DMS thí điểm đối với những Công ty điện lực hoàn thiện trung tâm điều khiển từ xa và MINI SCADA.
- Tiếp tục triển khai áp dụng các công nghệ và thiết bị mới, hiện đại trong quá trình quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành; Nghiên cứu xây dựng TBA số, chuyển đổi sang TBA số với lộ trình phù hợp. Từng bước triển khai giám sát bản thể MBA tùy theo mức độ quan trọng.
- Ứng dụng thiết bị bay không người lái, camera giám sát vào công tác quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa, giám sát vận hành đường dây truyền tải.

BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019
CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Sản lượng điện sản xuất và mua	Tỷ kWh	232,50
2	Sản lượng điện bán	Tỷ kWh	221,50
3	Sản lượng điện thương phẩm (toàn Tập đoàn)	Tỷ kWh	221,95
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	330.195
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	950
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	760
7	Các khoản nộp NSNN	Tỷ đồng	11.510
8	Vốn đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	24.527